

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST
Ngày 21-7-2022
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Hân

Ông Hoàng Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 7 năm 2022 và ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng (tên viết tắt VIB); Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc Vũ - Chức vụ: Tổng giám đốc VIB.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức Hoàn, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Trang Quan, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; Chức vụ: Cán bộ VIB; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 51623.21 ngày 15/07/2021); có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ thành L, sinh năm 1993 và chị Đoàn Thị TH, sinh năm 1995; cùng địa chỉ: Thôn DM, xã TĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 4 năm 2021, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng (tên viết tắt VIB) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L (bên vay) và Ngân hàng (tên viết tắt VIB) - Phòng giao dịch Ngô Quyền (bên cho vay) đã ký 01 Hợp đồng tín dụng số: 054.HĐTD1.032.20 với nội dung sau: VIB đồng ý cho chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L vay số tiền là: 600.000.000 đồng, mục đích vay là: Sửa chữa và mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay là: 180 tháng tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2020 đến ngày 30 tháng 5 năm 2035; phương thức giải ngân: Tiền mặt; khoản vay được giải ngân là 600.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 054.KUNN1.032.20 ngày 30 tháng 5 năm 2020; Lãi suất và kỳ điều chỉnh lãi suất: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 10,8%/năm (Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng). Hết thời hạn ưu đãi trên lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,3%/năm. Số tiền trả và ngày hoàn trả nợ: Hoàn trả khoản tín dụng gốc: Ngày 01 hàng tháng, mỗi tháng trả 3.334.000 đồng, tháng cuối trả 3.214.000 đồng, ngày trả gốc đầu tiên là ngày 01 tháng 7 năm 2020; Ngày trả lãi: Ngày 01 hàng tháng, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 01 tháng 7 năm 2020; Trả phí: Theo quy định của VIB từng thời kỳ.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, anh Vũ Thành L đã có phiếu đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế tại VIB không thời hạn với hạn mức là 25.000.000 đồng và đã được cấp thẩm quyền phê duyệt vào ngày 10 tháng 6 năm 2020 bằng chính Văn bản đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản mang tính cá thể hóa cá nhân do anh Vũ Thành L một mình ký mở vào ngày 10 tháng 6 năm 2020 (Chủ thẻ chính duy nhất, không có mở chủ thẻ phụ), các quyền lợi, nghĩa vụ của các bên được quy định cụ thể tại các điều, khoản của Văn bản phê chuẩn của Ngân hàng, chủ thẻ tín dụng cá nhân phải chịu các khoản lãi, lãi suất, phí thẻ, phí rút tiền, phí vượt hạn mức, phí thường niên của thẻ..v.v tùy theo việc chấp hành nghĩa vụ của khách hàng đối với Ngân hàng tính theo thời gian và hạn mức quá hạn khi thực hiện nghĩa vụ của khách hàng mở thẻ, sử dụng thẻ, theo Biểu phí dịch vụ được quy định cụ thể của Ngân hàng trong chế độ mở thẻ tín dụng quốc tế đối với cá nhân (trong đó có Phí TH toán nợ trễ hạn với mức là 2.000.000 đồng/tháng...) và theo sự điều chỉnh từng thời kỳ của VIB, VIB có thông báo cho khách hàng được biết. Hàng tháng VIB sẽ gửi bản sao kê chi tiết cho khách hàng bằng nhiều hình thức và được coi là 01 kỳ thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ thẻ đối với VIB.

Tài sản thế chấp cho khoản vay là: Quyền sử dụng 67 m² đất ở và toàn bộ tài sản trên đất của thửa đất số 839c, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ: Thôn DM, xã TĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 122403, số vào sổ cấp giấy: CS 02726 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 4 năm 2020 cho chủ sử dụng, sở hữu là chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L. Việc thế chấp tài sản đã được chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L (Bên thế chấp) và VIB (Bên nhận thế chấp) ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 054.HĐTC1.032.20 ngày 29 tháng 5 năm 2020, có số công chứng: 2226/2020, quyển số: 01TP/CC-SCC/HĐTC do Văn phòng công chứng Gia Phúc, thành phố Hải Phòng công chứng ngày 29 tháng 5 năm 2020 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 054.HĐTD1.032.20 ngày 29 tháng 5 năm 2020, tính đến hết ngày 21 tháng 7 năm 2022 chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L mới TH toán cho VIB số nợ gốc là: 22.974.000 đồng và số nợ lãi trong hạn là 22.253.961 đồng; lãi quá hạn là 352.970 đồng. Từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 khoản vay đã trở thành nợ quá hạn và Thẻ tín dụng quốc tế mở ngày 10 tháng 6 năm 2020 đã quá hạn TH toán kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2020, bên vay bắt đầu để phát sinh nợ quá hạn và liên tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến thời điểm hiện nay. Tính đến hết ngày 21 tháng 7 năm 2022, chị Đoàn Thị TH và anh Vũ Thành L, còn nợ VIB tổng số tiền là: 751.098.869 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 577.026.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 36.261.980 đồng, nợ lãi quá hạn là: 133.678.017 đồng, phạt chậm trả lãi trong hạn là 4.132.872 đồng theo Hợp đồng tín dụng 054.HĐTD1.032.20 ngày 29 tháng 5 năm 2020. Đối với thẻ tín dụng quốc tế cá nhân: Anh Vũ Thành L nợ tính đến ngày 21 tháng 7 năm 2022 tổng nợ là: 115.597.175 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 21.232.031 đồng; nợ lãi: 15.199.478 đồng; nợ phí thẻ (Tổng các loại phí): 79.165.579 đồng.

Kể thời điểm khoản vay bị quá hạn, VIB đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu anh L, chị TH trả nợ cho VIB, nhưng anh L, chị TH vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không chủ động làm việc với Ngân hàng để xử lý các khoản nợ. Như vậy, chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L đã vi phạm các nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận với VIB theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp và các văn bản, giấy tờ khác có liên quan đã ký với VIB.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày trên, VIB yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết những nội dung như sau:

1. Buộc chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L phải trả ngay toàn bộ khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến hết ngày 21 tháng 7 năm 2022 số tiền theo Hợp đồng tín dụng 054.HĐTD1.032.20 ngày 29 tháng 5 năm 2020 là 751.098.869 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 577.026.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 36.261.980

đồng, nợ lãi quá hạn là: 133.678.017 đồng, phạt chậm trả lãi trong hạn là 4.132.872 đồng.

Đối với thẻ tín dụng: Anh Vũ Thành L phải trả tính đến ngày 21 tháng 7 năm 2022 tổng nợ là: 115.597.175 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 21.232.031 đồng; nợ lãi: 15.199.478 đồng; nợ phí thẻ (Tổng các loại phí): 79.165.579 đồng.

2. Buộc chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L phải tiếp tục trả cho Ngân hàng khoản tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh, lãi phạt chậm trả tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 054.HĐTD1.032.20 ngày 29 tháng 5 năm 2020 kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2022 cho đến khi tất toán xong khoản nợ.

Anh Vũ thành L phải tiếp tục trả cho Ngân hàng các khoản tiền lãi thẻ, nợ phí thẻ phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kèm phát hành thẻ tín dụng quốc tế kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2022 cho đến khi tất toán xong khoản nợ.

3. Trường hợp chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L không trả được nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 054.HĐTD1.032.20 ngày 29 tháng 5 năm 2020 và anh Vũ Thành L không trả được nợ theo Hợp đồng tín dụng kèm phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 10 tháng 6 năm 2020, Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên phát mại toàn bộ tài sản thế chấp thể hiện Hợp đồng thế chấp tài sản số 054.HĐTC1.032.20 ngày 29 tháng 5 năm 2020, có số công chứng: 2226/2020, quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐTC do Văn phòng công chứng Gia Phúc, thành phố Hải Phòng công chứng ngày 29 tháng 5 năm 2020 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật để thu hồi toàn bộ các khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ thì chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VIB cho đến khi tất toán các khoản vay.

Bị đơn là chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đến khi mở phiên tòa vẫn vắng mặt không có lý do và không có quan điểm trình bày. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của ông Vũ Văn Sáu (Bố đẻ của anh L) thể hiện: Hiện nay, vợ chồng anh L, chị TH đang ăn ở sinh sống cùng với ông, các văn bản của Tòa án cùng Thông báo thụ lý vụ án gia đình ông đã nhận được, đã thông báo cho anh L được biết. Vợ chồng anh L, chị TH cũng mong muốn trả nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế gặp rất nhiều khó khăn nên đề nghị Ngân hàng có phương án để gia đình ông trả nợ dần khoản vay của Ngân hàng. Tài sản thế chấp có nguồn gốc là của vợ chồng ông. Đến năm 2020, vợ chồng anh L, chị TH cần vốn làm ăn kinh doanh nên vợ chồng ông đã chuyển nhượng sang tên cho anh L, chị TH để thế chấp Ngân hàng vay vốn. Tài sản thế chấp gồm có 01 nhà 02 tầng xây dựng từ năm 2018, công trình phụ khép kín, toàn bộ tài sản trên đất đều xây

dụng từ trước thời điểm thế chấp, vẫn giữ nguyên hiện trạng, không xây sửa gì thêm, hiện nay gồm có vợ chồng ông và vợ chồng anh L, chị TH sinh sống trên tài sản bảo đảm, gia đình ông ăn ở ổn định trên đất từ trước đến nay, không có tranh chấp với ai, không cho ai mượn, thuê tài sản này. Gia đình ông đề nghị Ngân hàng cho được trả nợ dần tiền gốc, xem xét miễn giảm tiền lãi cho vợ chồng anh L, chị TH.

Anh L và chị TH đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 34/TB-TA ngày 21 tháng 3 năm 2022, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả xác minh số 07/TB-TA ngày 04 tháng 4 năm 2022, Anh L và chị TH không có trình bày quan điểm, ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án. Về chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp bản sao: Hợp đồng tín dụng số 054.HĐTD1.032.20 ngày 29 tháng 5 năm 2020, Văn bản đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp, giấy chứng nhận quyền sở hữu các tài sản thế chấp, tập sao kê quá trình sử dụng thẻ..v.v.để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Về nội dung vụ án: nguyên đơn giữ nguyên các quan điểm ban đầu có trong đơn khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 119, 429, 274, 275, 280, 293, 298, 317, 319, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 188 Luật đất đai năm 2013; khoản 2, điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Vũ Thành L và chị Đoàn Thị TH phải trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền bao gồm nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết bao gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn. Bị đơn còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định. Trường hợp anh L, chị TH không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đề nghị phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết. Về án phí: Anh L, chị TH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ thành L và chị Đoàn Thị TH đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L.

[2] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi của nguyên đơn:

Xét yêu cầu trả nợ của nguyên đơn: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 054.HĐTD1.032.20 ngày 29 tháng 5 năm 2020; Văn bản đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 10 tháng 6 năm 2020; Khế ước nhận nợ số 054.KUNN1.032.20 ngày 30 tháng 5 năm 2020 kèm theo hợp đồng thế chấp đã ký giữa bên cho vay là Ngân hàng và bên vay là chị Đoàn Thị TH và người đồng trách nhiệm là anh Vũ Thành L cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ; căn cứ lời khai đương sự tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét **xử xác định: Anh Vũ Thành L và chị Đoàn Thị TH có ký kết vay vốn của VIB Hải Phòng với tổng số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng, anh Vũ Thành L có ký Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 10 tháng 6 năm 2020 với hạn mức thẻ là 25.000.000 đồng; tính đến ngày 21 tháng 7 năm 2022 số tiền nợ gốc vay nhiều lần là 26.290.000 đồng việc ký kết các Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, phụ lục Hợp đồng, Văn bản nhận nợ... giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật.**

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng 054.HĐTD1.032.20 ngày 29 tháng 5 năm 2020, đến ngày 01 tháng 8 năm 2020 khoản vay đã trở thành nợ quá hạn và Thẻ tín dụng quốc tế mở ngày 10 tháng 6 năm 2020 đã quá hạn TH toán kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2020, bên vay bắt đầu để phát sinh nợ quá hạn và liên tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến thời điểm hiện nay. Tính đến hết ngày 21 tháng 7 năm 2022, chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L còn nợ VIB tổng số tiền là: 751.098.869 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 577.026.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 36.261.980 đồng, nợ lãi quá hạn là: 133.678.017 đồng, phạt chậm trả lãi trong hạn là 4.132.872 đồng theo Hợp đồng tín dụng 054.HĐTD1.032.20 ngày 29 tháng 5 năm 2020.

Đối với thẻ tín dụng quốc tế cá nhân: Anh Vũ Thành L nợ tính đến ngày 21 tháng 7 năm 2022 tổng nợ là: 115.597.175 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 21.232.031 đồng; nợ lãi: 15.199.478 đồng; nợ phí thẻ (Tổng các loại phí): 79.165.579 đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu anh L, chị TH phải trả ngay toàn bộ khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi trong hạn tính đến hết ngày 21 tháng 7 năm 2022 là: 751.098.869 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 577.026.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 36.261.980 đồng, nợ lãi quá hạn là: 133.678.017 đồng, phạt chậm trả lãi trong hạn là 4.132.872 đồng.

Đối với thẻ tín dụng: Anh Vũ Thành L phải trả tính đến đến ngày ngày 21 tháng 7 năm 2022 tổng nợ là: 115.597.175 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 21.232.031 đồng; nợ lãi: 15.199.478 đồng; nợ phí thẻ (Tổng các loại phí): 79.165.579 đồng. Nợ gốc qua quá trình sử dụng thẻ tổng là 26.290.000 đồng đồng, anh L đã trả nợ gốc qua các kỳ với tổng là 5.057.969 đồng nên còn nợ gốc là 21.232.031 đồng.

Việc phía gia đình bị đơn thừa nhận có vay nợ VIB là đúng và xin được trả nợ dần nhưng đại diện phía nguyên đơn không đồng ý.

Vì vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L phải trả cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ gốc, nợ lãi và lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng 054.HĐTD1.032.20 ngày 29 tháng 5 năm 2020, tính đến hết ngày ngày 21 tháng 7 năm 2022 là: 751.098.869 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 577.026.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 36.261.980 đồng, nợ lãi quá hạn là: 133.678.017 đồng, phạt chậm trả lãi trong hạn là 4.132.872 đồng .

Đối với thẻ tín dụng quốc tế cá nhân: Anh Vũ Thành L nợ tính đến ngày 21 tháng 7 năm 2022 tổng nợ là: 115.597.175 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 21.232.031 đồng; nợ lãi: 15.199.478 đồng; nợ phí thẻ (Tổng các loại phí): 79.165.579 đồng.

Chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, lãi phạt chậm trả lãi trong hạn kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2022 đối với khoản nợ gốc cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín số 054.HĐTD1.032.20 ngày 29 tháng 5 năm 2020.

Anh Vũ Thành L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí tại Hợp đồng tín dụng lập Thẻ tín dụng quốc tế đã ký giữa VIB Hải Phòng và anh Vũ thành L kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2022 đối với khoản nợ gốc cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất, mức phí quy định trong Văn bản đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 10 tháng 6 năm /2020 theo đúng thỏa thuận của Hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của nguyên đơn:

Tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng 67 m² đất ở và toàn bộ tài sản trên đất của thửa đất số 839c, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ Thôn DM, xã TĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 122403, sổ vào sổ cấp giấy: CS 02726 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 4 năm 2020 cho chủ sử dụng, sở hữu là chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 054.HĐTC1.032.20 ngày 29 tháng 5 năm 2020, có số công chứng: 2226/2020, quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐTC do Văn phòng công chứng Gia Phúc, thành phố Hải Phòng công chứng ngày 29 tháng 5 năm 2020 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, thẩm định hiện trạng tài sản gắn liền với đất thế chấp thấy: Diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 122403 số vào sổ cấp giấy: CS 02726 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 16/4/2020 của bị đơn là 67,0 m², Nhà ở là loại nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 67 m², diện tích sàn 134,0 m², hình thức sở hữu: Sở hữu riêng, cấp III, người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là anh L và chị TH. Trên diện tích đất có 01 nhà hai tầng xây dựng từ năm 2018, công trình phụ khép kín... Hiện trạng của các tài sản có trên đất này đều xây dựng từ năm 2018 từ trước thời điểm thế chấp. Các tài sản gắn liền đất, hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ vẫn giữ nguyên như hiện trạng ban đầu trước khi thế chấp. Nguồn gốc tài sản do phía gia đình bị đơn xây dựng, gia đình bị đơn sinh sống ổn định trên đất, không có tranh chấp với ai, không cho ai mượn, không cho ai thuê. Các tài sản trên đất xây dựng trước thời điểm thế chấp, đến nay các tài sản trên đất vẫn giữ nguyên hiện trạng, không xây sửa gì thêm.

Căn cứ tài liệu điều tra, xác minh tại địa phương, lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định: Quyền sử dụng 67 m² đất ở và toàn bộ tài sản trên đất của thửa đất số 839c, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ Thôn DM, xã TĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc là đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 122403 số vào sổ cấp giấy: CS 02726 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 4 năm 2020 cấp cho vợ chồng anh L, chị TH. Các tài sản có trên đất vẫn giữ nguyên hiện trạng kể từ thời điểm thế chấp cho đến nay, không xây dựng thêm công trình nào khác, toàn bộ tài sản bảo đảm được gia đình bị đơn hiện đang quản lý, sử dụng.

Như vậy, đủ căn cứ khẳng định toàn bộ tài sản (bao gồm 01 nhà hai tầng cùng công trình phụ khép kín... xây dựng từ năm 2018) gắn liền với diện tích đất 67m² đất ở và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 839c, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ Thôn DM, xã TĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh L, chị TH.

Việc ký kết hợp Hợp đồng thế chấp giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, có công chứng và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, trường hợp bị đơn không trả được nợ, Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

Nay, Ngân hàng yêu cầu phát mại toàn bộ quyền sử dụng đất của ông Thời và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ là có căn cứ theo quy định Bộ luật dân sự.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp sau khi trả nợ còn dư sẽ được trả lại cho anh L và chị TH. Trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của anh L và chị TH không đủ trả nợ thì anh L và chị TH phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng

Thương mại Cổ phần Quốc Tế theo từng Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp quy định tại các Điều 117, 298, 299, 303, 319, 463, 466, 500 và 502 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Phía gia đình bị đơn đề nghị được trả nợ dần cho Ngân hàng nhưng nguyên đơn không đồng ý là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Với nhận định như trên, Hội đồng xét xử thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN đã phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 97, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 116, 117, 274, 275, 280, 293, 298, 299, 303, 317, 319, 429, 463, 466, 500 và 502 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Các Điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Đoàn Thị TH và anh Vũ Thành L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi phạt quá hạn, phạt chậm trả lãi trong hạn tính đến hết ngày 21 tháng 7 năm 2022 theo Hợp đồng tín dụng 054.HĐTD1.032.20 ngày 29 tháng 5 năm 2020 là: 751.098.869 đồng (trong đó, nợ gốc là: 577.026.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 36.261.980 đồng, nợ lãi quá hạn là: 133.678.017 đồng, phạt chậm trả lãi trong hạn là 4.132.872 đồng).

Đối với thẻ tín dụng: Anh Vũ Thành L phải trả tính đến ngày 21 tháng 7 năm 2022 tổng nợ là: 115.597.175 đồng (trong đó: Nợ gốc: 21.232.031 đồng; nợ lãi: 15.199.478 đồng; nợ phí thẻ (tổng các loại phí): 79.165.579 đồng).

Chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2022 đối với khoản nợ gốc cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín số 054.HĐTD1.032.20 ngày 29 tháng 5 năm 2020 đã ký giữa VIB Hải Phòng và chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L; Anh Vũ thành L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi,

phí kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2022 đối với khoản nợ gốc cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định trong Văn bản đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 10 tháng 6 năm 2020 đã ký giữa VIB Hải Phòng và anh Vũ Thành L và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L không trả được nợ cho VIB thì phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng 67 m² đất ở và toàn bộ tài sản trên đất của thửa đất số 839c, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ Thôn DM, xã TĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 122403, số vào sổ cấp giấy: CS 02726 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 4 năm 2020 cho chủ sử dụng, sở hữu là chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L.

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp sau khi trả nợ còn dư sẽ được trả lại cho chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L. Trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

Đối với trường hợp (tức giả sử sự kiện pháp lý có xảy ra) chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng giữa các bên đã ký kết nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Trường hợp (tức giả sử sự kiện pháp lý sẽ xảy ra) không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định mức lãi suất theo quy định của pháp luật hiện hành.

Về án phí: Chị Đoàn Thị TH và anh Vũ thành L chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 34.043.954 đồng; anh Vũ Thành L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.779.858 đồng. Trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí: 14.944.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0007564 ngày 15 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải phòng;
- VKSND huyện Thủy nguyên;
- Chi cục THAKDTM huyện Thủy nguyên;
- Đương sự;
- Lưu:VT; HCTP; hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân